TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 170/2019/HS-ST
Ngày 08-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đăng Thành;

- Ông Nguyễn Văn Thảo.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 171/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Tuấn D, sinh năm 1971 tại Thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 67/2 Phan Tây H, phường 7, quận P, Thành phố H; tạm trú: Ấp 5, xã H, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Cư, sinh năm 1944 và bà Phan Thị T, sinh năm 1948; có vợ tên Nguyễn Thị Sơn T, sinh năm 1973 (không đăng ký kết hôn); bị cáo có 01 người con tên Lê Thị Thủy T, sinh năm 1996;

Nhân thân:

Ngày 19-7-1989, Công an Quận 1, Thành phố H lập danh chỉ bản (số 7938) về việc Trộm cắp tài sản công dân. Nhưng không xử lý.

Ngày 09-01-1990, Công an Quận 3, thành phố H bắt lập danh chỉ bản (số 722667) về việc Trộm cắp tài sản công dân. Tòa án nhân dân Quận 3, thành phố H xử phạt 05 tháng tù, tại bản án số 80/HSTT ngày 26-5-1990 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố H. Đã chấp hành xong.

Ngày 23-11-1990, Công an Quận 3, Thành phố H bắt lập danh chỉ bản (số 23513) về việc Trộm cắp tài sản công dân. Ủy ban nhân dân Quận 3, thành phố

H ra Quyết định Cưỡng bức lao động 24 tháng, theo quyết định số 356 ngày 29-11-1990 của Ủy ban nhân dân Quận 3, Thành phố H. Đã chấp hành xong.

Ngày 25-10-1993, Công an Quận 3, Thành phố H bắt lập danh chỉ bản (số 2496) về việc cướp giật hoặc Công nhiên chiếm đoạt tài sản công dân. Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố H xử phạt 12 tháng tù giam, tại bản án số 16/HSTT ngày 04-3-1994 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố H. Đã chấp hành xong.

Tiền sự, tiền án: không.

Ngày 19-4-2019, có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 19-4-2019 đến ngày 27-4-2019 thì bị khởi tố và chuyển sang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã T cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp 4, xã H, thị xã T, tỉnh B; có mặt;

Người làm chứng: Ông Võ Anh T và ông Lê Thanh S; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Tuấn D là đối tượng sử dụng ma túy, loại ma túy D thường sử dụng là ma túy đá (Methamphetamine).

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 19-4-2019, do có nhu cầu sử dụng ma túy đá nên D sử dụng số điện thoại 0901268711 của D gọi vào số thuê bao 0976687310 của một đối tượng tên N (không rõ nhân thân lai lịch) hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá thì N đồng ý và hẹn D khoảng 01 giờ sau đến khu vực gần Cây xăng số 10 thuộc ấp 1, xã H, thị xã T để gặp N lấy ma túy. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, D điều khiển xe mô tô biển số 54X6 – 2161 từ phòng trọ thuộc ấp 5, xã H, thị xã T đến Cây xăng số 10, thì gặp N chở theo một người phụ nữ (không rõ nhân thân lai lịch) đi trên xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng (không rõ biển số). D đưa cho N 500.000 đồng, N đưa lại cho D 01 bịch Nlon hàn kín đầu bên trong có chứa ma túy đá, D cất giấu bịch ma túy vào bên trong túi quần phía trước bên phải, sau đó điều khiển xe 54X6 – 2161 quay về phòng trọ. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, D đang điều khiển xe mô tô biển số 54X6 – 2161 đi uống cafe. Khi đi đến đoạn đường ĐT746 thuộc ấp 5, xã H, lúc này lực lượng Công an xã H đang tuần tra, phát hiện D có biểu hiện khả nghi nên yêu cầu D dừng xe 54X6 - 2161 lại để kiểm tra. Lực lượng Công an xã H yêu cầu D lấy giấy tờ và tất cả đồ vật trên người ra để kiểm tra, D lấy từ trong túi quần phía trước bên phải ra 01 bịch Nlon hàn kín đầu bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng ra giao nộp cho lực lượng Công an xã H và khai nhận đây là ma túy đá của D cất giấu để sử dụng. Lực lượng tuần tra Công an xã H tiến hành niêm phong bịch Nlon có chứa tinh chất tinh thể màu trắng của D, có sự chứng kiến, ký tên của D. Sau đó, đưa D cùng vật chứng về trụ sở Công an xã H lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với D.

Ngoài ra, Công an xã H còn tạm giữ: 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Tuấn D; 01 điện thoại di động Nokia 106 màu đen chứa sim số 0901.268.711; Xe mô tô mang biển số 54X6-2161.

Sau khi lập hồ sơ ban đầu, Công an xã H tiến hành bàn giao D cùng hồ sơ, vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận giám định số 327/MT-PC09 ngày 24-4-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng/trọng lượng: 0,1967 gam, loại Methamphetamine.

Cáo trạng số 178/CT-VKS.TU ngày 03-10-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B truy tố bị cáo Lê Tuấn D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh như cáo trạng và xác định sau khi phạm tội bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Tuấn D mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 01 bì thư được niêm phong, bên ngoài có ký hiệu 327?PC09, có chữ ký của người bị bắt Lê Tuấn D, người chứng kiến Võ Anh T, Lê Thanh S, cán bộ niêm phong Lê Quang Q, hình dấu mộc đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh B, bên trong có chứa theo kết luận giám định số 327/MT-PC09 ngày 24-4-2019 của Phòng KTHS Công an tỉnh B.

Trả lại bị cáo Lê Tuấn D 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Tuấn D.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 106 màu đen, IMI: 352882108941092, bên trong có chứa 01 sim điện thoại (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo không trình bày lời bào chữa. Nói lời sau cùng, bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của bị cáo Lê Tuấn D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai báo tại cơ quan điều tra, trước sau thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội cũng như vật chứng thu giữ trong vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Ngày 19-4-2019, tại ấp 5, xã Hội Nghĩa, thị xã T, tỉnh B Lê Tuấn D có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng 0,1967 gam nhằm mục đích sử dụng thì bị phát hiện, bắt quả tang. Do đó đã đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo Lê Tuấn D về tội danh trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng tại địa phương nơi bị cáo gây án. Bị cáo nhận thức được Nhà nước nghiêm cấm việc tàng trữ trái phép chất ma túy dưới mọi hình thức nhưng vì động cơ tư lợi mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung trong xã hội, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo.

[7] Đối với đối tượng tên N (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi bán ma túy cho bị cáo do chưa xác định được nhân thân lai lịch của người này nên cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T chưa có căn cứ để xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Tuấn D là giấy tờ tùy thân không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

- Số lượng Methamphetamine có trọng lượng sau giám định là 0,1967 gam là những công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với xe mô tô mang biển số 54X6-2161 bị cáo D khai mượn của ông Nguyễn Minh Hưng vào ngày 10-4-2019 để làm phương tiện đi lại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Hưng khai xe mô tô mang biển số 54X6-2161, ông Hưng mua lại từ một tiệm bán xe cũ tại thành phố T, tỉnh B vào năm 2017 với giá 3.000.000 đồng để làm phương tiện đi lại, thời điểm mua xe ông Hưng không có làm thủ tục sang tên, chuyển quyền sở hữu. Ngày 30-8-2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T có quyết định trưng cầu giám định số 462 đề nghị phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B giám định số khung, số máy nguyên thủy của xe mô tô mang biển số 54X6-2161. Ngày 30-8-2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B có kết luận số 469/SKSM-PC09 kết luận xe mô tô biển số 54X6-2161, có số khung RNGKCG2VHA 1023341, số máy VUMYG150FMG XD000641. Quá trình tra cứu, xác minh xác định chủ sỡ hữu xe là Phạm Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1988. Kết quả xác minh Phạm Nguyễn Ngọc M hiện tại đã không còn sinh sống tại địa chỉ như trên và đi đâu không rõ. Xe mô tô mang biển số 54X6-2161, có số khung RNGKCG2VHA 1023341, số máy VUMYG150FMG XD000641 không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Ngày 14-9-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ra quyết định xử lý vật chứng số 217 trả lại xe mô tô mang biển số 54X6-2161 cho ông Nguyễn Minh H là phù hợp.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Tuấn D phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Tuấn D 02 (Hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19-4-2019.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

3.1. Tịch thu tiêu hủy 0,1967 gam Methamphetamine đựng trong bì thư dán kín được niêm phong;

3.2. Trả lại bị cáo Lê Tuấn D 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Tuấn D.

3.3. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 106 màu đen, IMI: 352882108941092, bên trong có chứa 01 sim điện thoại (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21-10-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh B).

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Tuấn D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- PV06, Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thành Hiệp